

Bản án số: 233/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trường
Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2023 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B, Sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, Sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có ba người con chung cháu Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 05/11/2012, cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 26/8/2009, cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 15/02/2019. Hiện tại cháu Q đang sống với chị, cháu H, cháu V đang sống với anh M.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị xét thấy không còn tình cảm với anh M, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với chị anh M.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Chị đồng ý giao con chung cháu V, cháu H cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc, chị yêu cầu nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn M, anh M có nơi cư trú tại huyện T, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc “Tranh chấp Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Chị Lê Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về yêu cầu ly hôn: Chị B và anh M chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị B xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị B yêu cầu được ly hôn với anh M. Anh M đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng nhưng anh M không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị B. Hội đồng xét xử thấy rằng chị B và anh M chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn M.

[2.2] Xét về con chung, cấp dưỡng: Hiện tại cháu Nguyễn Quốc Q đang sống với chị B, cháu H và cháu V đang sống với anh M. Do cháu Q, cháu H trên 07 tuổi, Tòa án ghi ý kiến của cháu Q, cháu H các cháu có ý kiến khi cha mẹ các cháu ly hôn nguyện vọng của cháu Q sống với chị B, cháu Huỳnh s với anh M, để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Q cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu H, cháu V cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này giữa các bên không thỏa thuận được về cấp dưỡng nuôi và có tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[2.3] Xét về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, anh M mục không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B. Trường hợp sau này chị B, anh M không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Xét về án phí: Chị B là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Lê Thị B** và anh **Nguyễn Văn M**.
- Về con chung: Tiếp tục giao cháu **Nguyễn Quốc Q**, sinh ngày 05/11/2012 cho chị **Lê Thị B** nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu **Nguyễn Thị Như H**, sinh ngày 26/8/2009 và cháu **Nguyễn Quốc V**, sinh ngày 15/02/2019 cho anh **Nguyễn Văn M** nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị **Lê Thị B** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị **B** đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng theo biên lai số 0006657 ngày 28/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Ủy ban nhân dân xã Lợi An;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Len

